

GS/TS NGUYỄN HỒNG DŨNG: THĂNG HOA CUỘC ĐỜI – KỲ 105 NÀA THÌ KÌ MỘT ƯỚC MƠ

THĂNG HOA CUỘC ĐỜI

KỲ 105 NÀA THÌ KÌ MỘT ƯỚC MƠ

Như Ninh Nguyễn Hồng Dũng

Tôi sinh ra gần cuối thập niên năm mươi của thế kỷ XX khi chiến tranh Việt Nam không chỉ là một cuộc đấu đầu vũ trang đơn thuần giữa đôi Miền Nam Bắc, mà còn là cuộc đụng độ khốc liệt giữa hai mô hình xã hội, hai lý tưởng chính trị hoàn toàn đối nghịch. Tôi lớn lên giữa bi kịch của một dân tộc bị chia cắt bởi ngoại bang, nhưng sau đó lại bị cuốn vào chính vòng xoáy ý thức hệ của chiến tranh lạnh toàn cầu và cứ thế tôi hít thở không khí pha mùi thuốc súng.

Miền Nam Việt Nam với nền Cộng hòa non trẻ, được thành lập trên nền tảng tự do, dân chủ; dù chưa hoàn hảo nhưng đã cố gắng mở ra một con đường để xã hội hướng tới sự phát triển nhân bản, nền giáo dục tương đối cởi mở, quyền tư hữu được công nhận và đời sống văn hóa đa dạng. Tuy nhiên, giai đoạn phôi thai này lại đối mặt với chiến tranh, những bất ổn nội bộ nên Miền Nam chưa định hình được nền dân chủ trọn vẹn. Nhưng so với Miền Bắc, nơi được đặt dưới sự cai trị tuyệt đối của Đảng Cộng sản, thì xã hội Miền Nam vẫn hơn hẳn khi giữ được hơi thở tự do. Ở Miền Bắc, kể từ sau cải cách ruộng đất và phong trào “đấu tố” những thập niên 1950, một chế độ độc đoán đã được thiết lập. Đảng Cộng sản trở thành lực lượng duy nhất nắm quyền, và mọi hình thức tư tưởng

khác biệt đều bị xem là phản động. Tự do ngôn luận, báo chí, tôn giáo bị kiểm soát nghiêm ngặt. Người dân sống trong cảnh thường xuyên đối mặt với đói kém, họ buộc phải hy sinh với khái niệm “cách mạng,” trong khi đời sống vật chất lẫn tinh thần vô cùng điêu linh.

Chiến tranh kéo dài càng ác liệt, cả hai miền đều không chỉ chiến đấu vì lãnh thổ, mà còn vì một mô hình tương lai cho đất nước. Phía Bắc cho rằng chiến đấu để gọi là “giải phóng Miền Nam”, còn phía Nam quyết tâm bảo vệ sự tồn tại của một quốc gia độc lập, tự do, không bị Cộng sản xâm lược.

Người dân là nạn nhân, hàng triệu người chết, bị thương, hoặc mất tích. Những làng quê yên bình trở thành bãi chiến trường. Trại thơ lớn lên giữa tiếng bom rơi, máu đổ, gia đình ly tán, bạn bè trở thành kẻ thù chỉ vì đứng ở hai bên chiến tuyến. Dù nhìn từ phía nào, cuộc chiến cũng là một thảm trạng của dân tộc nơi máu của đồng bào đổ xuống cho những quyết định mà người dân không hề lựa chọn. Bây giờ sau năm mươi năm quốc hận từ một khoảng cách lịch sử của nhàkeeping người cho phép tôi nhìn lại; giả dụ như quê hương không bị chia cắt, nếu Việt Nam không bị lôi kéo vào cuộc cờ của những cường quốc thì dân tộc không phải chịu đựng biết bao mất mát, đau thương, và chia rẽ dai dẳng kéo dài đến tận hôm nay.

Ngày Quốc hận Ba mươi tháng Tư năm Một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, Miền Nam gục ngã, không chỉ là một cột mốc lịch sử, mà còn là vết thương chưa thể lành trong lòng những người từng sống, từng yêu, từng chiến đấu vì một nền tự

do ngôn ngữ nhưng đầy khí
phách. Qua những giờ phút cuối cùng trước khi Sài Gòn thất
th, người ta vẫn còn mục kích
những trang sọ oai hùng được viết bằng máu, bằng nước mắt và
bằng trái tim của những
người lính Việt Nam Cộng Hòa, những người chưa từng đầu hàng
sọ phận, dù hoàn cảnh đã
quay lưng với họ.

Tôi đọc trang quân sọ viết về trận chiến Xuân Lộc trong tác
phẩm “Khi Đổng Minh Tháo
Chạy” của tác giả Nguyễn Tiễn Hưng, bản hùng ca cuối cùng của
một đạo quân từng làm
Cộng sản phải e ngại. Trong thất trận bị vây ép, nơi mà Việt
Cộng có quân sọ và hỏa lực gấp
nhiều lần, những người lính thuộc Sư đoàn 18 Bộ binh vẫn kiên
cường tở th, với tinh thần
không lùi bước. Thật đáng ngưỡng mộ! Nếu không có những quyết
định chính trị bất lợi từ
thượng tầng như việc bỏ ngỏ hai Quân khu chiến lược khi chưa
giao tranh (Quân khu I từ
Quảng Trị đến Quảng Ngãi và Quân khu II bao gồm vùng Tây
Nguyên và Duyên hải Nam
Trung bộ) thì có lẽ những địa danh như Xuân Lộc là niềm hy
vọng chưa tắt vợi nơi hàng
triệu trái tim Miền Nam.

Than ôi! Cuộc chiến không chỉ thua vì đạn pháo mà vì sự đơn
độc khi đồng minh lớn
nhất bất ngờ quay lưng, phải tay rút lui, Miền Nam bỗng trở
thành một chiến địa trống trải,
chống chọi trong tuyệt vọng với một đạo quân Bắc Việt vừa được
hậu thuẫn mạnh mẽ từ
Liên Xô và Trung Cộng. Tại Washington DC, Tổng thống Hoa Kỳ
Gerald Ford tuyên bố
chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt!!! nhưng thực ra, đó là dấu
chấm hết cho niềm tin của

người dân Miền Nam vào một nƣn tự do cƣn được bƣo vệ đƣn cùng.

Chiƣn tranh được xem như chƣm dứt vào ngày Ba mươi tháng Tư năm Bƣy lăm, nhưng với hàng triệu người dân Miền Nam, đó không phải là khƣi đƣu cƣa hòa bình, mà là bước vào một giai đoạn đen tƣi kéo dài, nơi niƣm hy vọng bị thay thƣ bằng sợ hãi, bƣt lực và khƣn cùng. Một chƣ độ mới lên ngôi, không qua lá phiƣu cƣa nhân dân, mà bằng họng súng, xe tăng và khƣng bƣ.

Ngay sau ngày quƣc hận thì hàng trăm ngàn sĩ quan, viên chức, cán bộ và những người từng phục vụ cho chính quyƣn Việt Nam Cộng Hòa bị gọi đi “học tập cƣi tạo”, một từ ngữ nhẹ nhàng, nhưng đó là tƣm vé “one way” vào những trại giam khƣc nghiệt, không án, không ngày vƣ. Bao nhiêu mái đƣu xanh, tƣng lớp trí thức, thanh niên ưu tú có đào tạo bị giam đƣn năm, mười, thậm chí hai mươi năm trong rừng sâu, núi thƣm. Những con người từng cƣm súng chiƣn đƣu cho lý tƣƣng tự do phải lao động khƣ sai, thiƣu ăn, bệnh tật, và không ít trong sƣ đó đã chƣt âm thƣm nơi rừng thiêng nước độc...trong lúc đó những thân nhân ngoài xã hội thì bị kỳ thị, lừa đi vùng kinh tƣ mới, cướp nhà, cướp cƣa, cướp mƣt tương lai.

Sài gòn và các tƣnh Miền Nam lúc đó bị nhà đương quyƣn Cộng sƣn đánh vào các giới thương nhân những đòn thù “cƣi tạo công thương nghiệp tư sƣn mại bƣn”. Tài sƣn bị quƣc hữu hóa, nhiƣu người hóa thành vô sƣn chƣ sau một đêm. Chưa dừng lại ƣ đó, Cộng sƣn ra lệnh hai lƣn đƣi tiƣn, cú giáng đau đớn vào những người dân vƣn đã nghèo thì mƣi gia đình chƣ được đƣi một sƣ tiƣn nhƣt định, còn lại bị tịch thu hƣt

sạch. Cơm cải tích góp cơm bao nhiêu
đời tan thành mây khói.

Miền Nam, từng được biết đến với nền kinh tế năng động, Sài Gòn được mệnh danh là
"Hòn ngọc Viễn Đông", có đời sống văn minh, văn hóa cải mới và
thị trường tự do hơn cơm
Thái Lan, Hàn Quốc hay Singapore. Thế mà chỉ sau vài năm bị
đặt dưới sự kiểm soát cơm
kinh tế tập trung bao trùm, cơm nước rơi vào cảnh khốn khó.
Người dân Miền Nam lên đường
phải ăn bo bo, loại ngũ cốc từng dành cho gia súc, thời kỳ mà
người ta chào nhau bằng câu:
"Có gì ăn chưa?"

Tôi từng sống ở Sài Gòn trước năm Bảy lăm, kỷ ức về một thành
phố rực rỡ ánh đèn,
nhộn nhịp tiếng nhạc, tự do đi lại và báo chí đầy thông tin,
thì sau ngày Sài Gòn sụp đổ thật
là một cơn ác mộng. Thành phố ngọc ngà bị đổi tên, các đường
lộ xóa bỏ những danh nhân
lịch sử kiểu như "Nam Kỳ khởi nghĩa tiêu công lý, đứng khởi
vùng lên diệt tự do".

Chưa dừng lại ở đó, cuối năm Một ngàn chín trăm bảy mươi tám,
Việt Cộng bước vào
cuộc tàn sát với Campuchia. Biên giới Tây Nam rực lửa. Hàng
trăm ngàn thanh niên bị đưa
đi nghĩa vụ quân sự, chôn nơi rừng sâu, đất lạ!. Rồi tháng Hai
năm Bảy mươi chín, Trung
cộng tấn công sáu tỉnh biên giới phía Bắc, lấy cớ "dạy cho
Việt Nam một bài học", lúc ấy,
người dân Miền Nam vốn đã kiệt quệ, lại càng thêm hoang mang
khi cơm đất nước bị cuốn
vào một vòng xoáy xung đột chưa có hồi kết.

Biên Đông tiếp tục dậy sóng, Hoàng Sa đã bị Trung cộng cưỡng
chiếm từ tay Hải quân

Việt Nam Cộng Hòa năm Một chín bảy mươi tư rồi đến thập niên tám mươi, Trung Cộng tiếp tục xâm lấn Trường Sa, biền đòo mặt dòn, rồi Nam Quan, thác Bùn Giốc rồi chỉ còn dân chúng thì oằn mình trong đói nghèo, thiếu thốn và sợ hãi.

Việt Nam từng có cơ hội phát triển như Hàn Quốc hay Singapore với tiềm lực, vị trí địa dư và nhân lực dồi dào, không thua kém Thái Lan, Taiwan; vậy mà chỉ sau vài năm Cộng sản cưỡng chiếm Miền Nam bằng bạo lực thì Sài Gòn chìm sâu trong nghèo đói, bết rún và áp bức. Một giấc mộng về độc lập, tự do, hạnh phúc của toàn dân đã bị phún bội bằng chính thực tế đàng cay của nhà đương quyền Cộng sản.

Tôi bị đi tù bởi tội danh “Phún Động” tại trại Kim Sơn, Nước Nhóc, Nghĩa Điền tỉnh Bình Định và “Vượt biên trái phép” tại Rạch Nò tỉnh Kiên Giang suốt sáu năm, sau những ngày tháng tù đầy dường như thời gian cứ đứng yên giữa rừng sâu, mỗi phút trôi qua chỉ còn lại sự chờ đợi mông lung và nỗi khốc khoải vô hình ... Rồi cuộc, tôi lại được trở về nhà với hai bàn tay trắng, gia đình ly tán, nhà cửa bị tịch thu, bạn bè trốn mất mỗi người một nơi. Cuộc sống ngoài kia không còn gì thân thuộc nữa, nhưng điếu đờ nặng nhất lên trái tim tôi không phải là cái đói, cái nghèo, mà là cảm giác bị tước mất quyền làm người, không còn đặt đờ sống trên chính quê hương mình.

Tôi đã quyết định ra đi. Lần đầu bị bắt, lần thứ hai thất bại, rồi thứ ba chuyển sang đường bộ Campuchia nhưng cũng không lọt khỏi biên thù... Cứ mỗi lần thất bại là một lần mất hy vọng, mất thêm chút lòng tin và vàng bạc hao hụt. Tôi đã từng nằm co ro trong hầm tàu

chật hẹp, từng bị công an bắt giữa rừng ngập mặn, từng thấy người đi chung bị bắt mạng vì sốt rét, đói khát hay chỉ một tiếng súng bắt ngờ nơi giữa đêm khuya. Tuy vậy, tôi không quay lại vì không còn gì để mất, cũng không còn gì để sợ hơn nữa.

Chuyến đi thứ bảy, con số tưởng là xui xẻo ấy, lại là cánh cửa mở ra sự sống. Chúng tôi lên đênh trên biển gần ba tuần lễ. Nước ngọt, thức ăn, củ sắn không còn, trẻ thơ khóc ngặt vì khát sữa, người lớn cầu nguyện và cứ lần lượt ra đi vì đói khát nên phải thấy táng theo dòng chảy đại dương. Mỗi lần thấy một đốm sáng xa tít ngoài khơi, chúng tôi nín thở, dán mắt nhìn trông nhưng không biết đó là tàu quốc tế hay hải tặc. Giữa trời đất mênh mông vô tận, nước biển đen hơn mực tàu, mạng sống con người mong manh như một sợi chỉ treo manh.

Tôi đã may mắn không bị bọn cướp biển sát hại, không bị cá mập nuốt chửng, không chết chìm trong bóng tối kinh hoàng của biển cả như những người đang hành trên con thuyền ọp ẹp này. Tôi đặt chân lên đảo Palawan, một hòn đảo nhỏ bé nằm ở phía tây của Philippines, nhưng với tôi lúc ấy, đó là thiên đường bao la vô tận. Tôi vẫn nhớ y như rằng buổi sáng đầu tiên khi chân vừa chạm bờ cát, người run lẩy bẩy, nước mắt tuông trào, không biết tương lai sẽ đi về đâu, nhưng ít nhất, tôi đã thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Tôi là một trong những người may mắn “thập tử nhất sinh” đến nơi đây tìm sự, chứ có những con thuyền đã ra khơi và không bao giờ trở về; có những đứa trẻ chưa kịp hiểu thế nào là tự do

đã nằm lại dưới đáy đại dương, và có biết bao mái đầu bạc đã mòn mỏi chờ đợi nơi quê nhà, không bao giờ còn gặp lại người thân dù chỉ một cái tin sững sờ. Thật ra vượt biên không phải là tội, đó là hành động cuối cùng của những con người muốn được sống đúng nghĩa là con người, với tự do, phẩm giá và niềm tin vào một ngày mai tốt đẹp hơn.

Sau những tháng ngày tạm trú ở trại tị nạn Palawan, rồi chuyển qua Transit Bataan để được định cư tại Hoa Kỳ, một miền đất xa lạ, nhưng mang theo hy vọng lớn lao của cuộc đời được bắt đầu từ con số không, tôi đến đây với đôi bàn tay trống, ít vốn liếng tiếng Anh và tuồng trống rỗng động dù ít nhiều đã bị mài mòn bởi chiến tranh, tù đầy và vượt thoát. Nhưng nơi này tôi học được một điều rằng nếu chăm chỉ, trung thực và không ngừng học hỏi, cơ hội sẽ mở ra vô tận. Hoa Kỳ không hứa hẹn điều gì dẫu dàng, nhưng luôn sẵn lòng hỗ trợ những ai chịu đựng thân, không đầu hàng số phận.

Tôi vừa làm vừa học, những công việc tay chân chẳng bao giờ làm tôi thấy chán nản. Ngược lại, chính nhờ những công việc này, tôi từng bước dựng lại cuộc sống, từng chút một gom góp cho tương lai, điều chỉnh cuộc sống trong một xã hội xa lạ nhưng công bằng. Nơi định cư mới không đơn độc, bên tôi có cộng đồng người Việt đến trước, có nhiều gia đình, bạn bè cũng trôi dạt sau biển cả tháng tư đen, cũng từng vượt biển, từng trống tay, cũng ly tán và cũng đang gồng sống một cách lương thiện, tốt đẹp. Mọi người là một hoàn cảnh, một nỗi đau, nhưng ai cũng mang trong mình một niềm tin mãnh liệt, họ còn sống là

còn vươn lên.

Hiệp Chàng Quốc Hoa Kỳ là xứ sở của tự do không chỉ cho tôi một mái nhà, mà còn cho cơ hội thăng hoa cuộc đời. Khi trình độ, khả năng và quyết tâm nỗ lực, các trường cao đẳng, đại học đã mở cửa đón tôi như chào một người bạn mới. Tôi tiếp tục con đường học vấn với dĩ chí tranh, lao tù đã ngăn trở suốt bao năm tháng tuối trẻ. Vừa học, vừa làm, vừa sống, vừa đấu tranh, tôi từng bước đi vào cuộc đời bằng đôi chân của mình. Tôi tham gia vào sinh hoạt Cộng đồng, tranh đấu cho một Việt Nam không Cộng sản, cho tự do tôn giáo, cho nhân quyền và phẩm giá con người. Điều này không phải là sự hận thù mà là tiếng nói của công lý, của tình yêu quê hương theo cách không chấp nhận sự im lặng trước bất công.

Tôi chọn vào ngành giáo dục, trở thành giảng viên đại học là một biến chuyển lớn không chỉ cho cá nhân mà còn là niềm vui được truyền lại tri thức cho thế hệ mai sau. Mỗi lớp sinh viên đều mang trong mình một câu chuyện, một tương lai. Có những em sinh ra trong các gia đình tị nạn, với tâm thế đầy tự hào nhưng vẫn mang theo khát khao hòa nhập. Cũng có nhiều du học sinh đến từ Việt Nam, cam phẫn và tò mò, mang theo nỗi khác biệt riêng giữa khoảnh cách văn hóa và chính trị.

Một điều thú vị, đôi khi cũng buồn cười là những cuộc tranh luận giữa sinh viên tị nạn và du học sinh. Các em sinh ra và lớn lên ở Hải ngoại, tiếng Việt còn nhiều giới hạn, thường “bí” giữa chừng và chuyển sang tiếng Anh đầy sôi nổi. Ngược lại, các em du học sinh đến từ Việt Nam lại không thật sự thành thạo tiếng Anh, nên đành

lúng túng. Và th^đ là tôi tr^đ
thành trọng tài... b^đt đ^đc dĩ, người “phiên dịch” ngôn ngữ nhưng
cũng là người k^đt n^đi hai
th^đ giới Việt Nam.

Th^đ hệ tr^đ trư^đng thành tuyệt vời ^đ môi trường tự do. Sau khi
t^đt nghiệp, ph^đn lớn đ^đu
tìm được công việc t^đt vào các công ty lớn, có em chọn đi theo
con đường phục vụ công
quy^đn, tham gia chính quy^đn dòng chính, góp ph^đn định hình
tương lai cho đ^đt nước thứ hai
c^đa mình. Đó là thành qu^đ xứng đáng cho một th^đ hệ sinh ra
trong gian nan nhưng không
đ^đu hàng, khu^đt phục.

Trên đ^đt nước này Cộng đ^đng người Việt H^đi ngoại v^đn luôn giữ
l^đa văn hóa. Các trường
Việt ngữ mọc lên trong các chùa, nhà thờ, trung tâm văn hóa...
nơi mà ti^đng mẹ đ^đ được
gìn giữ như một ph^đn h^đn dân tộc. Chúng ta không dạy con cháu
đ^đ ch^đ bi^đt nói ti^đng Việt,
mà còn đ^đ chúng hi^đu được n^đi đau, ni^đm kiêu hãnh, và g^đc r^đ
c^đa một dân tộc từng bị chia
lìa, sụp đ^đ và tái thi^đt.

Qu^đc hận 50 năm nhìn lại chính mình, từ người vượt bi^đn tay
trư^đng ph^đi vươn lên đ^đ
s^đng, dũng mãnh và tự tin, tôi không kh^đi xúc động vì đó ch^đng
là thành công cá nhân, mà
là minh chứng cho tinh th^đn Việt Nam: “Dù lưu vong, v^đn vươn
lên s^đng mạnh. Dù xa quê
hương, v^đn không quên ngu^đn cội”.

Năm mươi năm sau ngày Mi^đn Nam sụp đ^đ, ngày mà lịch s^đ ty nạn
tư^đng niệm “qu^đc
hận” thì trong tim tôi v^đn mang một ước mơ chưa bao giờ t^đt:
ước mơ một nước Việt Nam
không còn Cộng s^đn, không còn hận thù, không còn chia rẽ vì

quá khứ hay ý thức hệ. Một
đất nước nơi mà quyền tự do báo chí được tôn trọng, nơi người
dân có quyền chọn lựa người
lãnh đạo mình bằng lá phiếu, chứ không phải qua súng đạn, áp
lực hay tuyên truyền.

Tôi tin rằng ngày này khi chế độ vì dân và do dân báo lên được
thiết lập thì lớp thanh niên
trí thức gốc Việt ở Hải ngoại sẽ không ngần ngại quay về. Thế
hệ trẻ là những anh tài được
đào luyện tại những đại học hàng đầu thế giới sẽ mang về cho
quê hương không chỉ kiến
thức khoa học, kỹ thuật, kinh tế, nhân văn, mà còn là tư duy
tự do, tinh thần trách nhiệm, và
đạo đức phục vụ. Đó là tài nguyên quý giá nhất mà Việt Nam hậu
Cộng sản có thể kỳ vọng.
Việt Nam không thiếu người tài, chỉ thiếu những lãnh đạo chân
chính và một môi trường
tự do để những tài năng có thể cống hiến mà không bị nghi ngờ,
kìm hãm, hay kiểm soát tư
tưởng. Khi này, một nền hành chính minh bạch, một nền giáo dục
khai phóng, và một xã hội
pháp trị thực sự sẽ đưa đất nước vươn lên, vượt qua cả những
quốc gia tuy giàu có nhưng
đang thiếu nhân lực, tài nguyên và địa lý.

Tôi mơ một ngày được tự do đi dọc đất nước từ Nam chí Bắc mà
không cần phải sợ bị
theo dõi, không cần phải giữ ý khi nói chuyện với người lạ.
Một vùng trời mà người trí thức
được trân trọng, người lương thiện được khuyến khích, bảo vệ,
và người dân có thể sống an
vui, hạnh phúc, không cần bỏ xứ ra đi để tìm tự do khao khát
sự thật cho cuộc sống.
Bằng vào niềm tin này thì thế hệ mai sau ở trong nước sẽ không
còn phải tìm đường vượt
biên, không bị xuất cảnh lao động, làm dâu xứ người; thay vào

đó, lớp trẻ Hời ngoại không
còn phải gói ghém quá khứ trong nỗi buồn lưu vong, hiện ngang
trẻ với bằng hành trang là
kiến thức và tình yêu quê hương hời dựng lại những gì đã mất,
xây nên một nước Việt Nam
hùng cường, độc lập, tự do và nhân ái.

Nếu như thời gian quay chậm mà thế hệ chúng tôi không thể thấy
ngày này hiện thực thì
mong sao từng dòng chữ này sẽ là một lời nhắn nhủ cho thế hệ
kế tiếp rằng, dù ở đâu, trong
hoàn cảnh nào, thì người Việt Nam vẫn luôn giữ được phẩm giá,
lòng yêu nước, sự tự tin và
ước mơ phục hồi quê hương trong tinh thần nhân bản, tự chủ.

Như Ninh Nguyễn Hồng Dũng – San Jose 30/4/2025

**HỜI KÝ Nhà Văn HỒNG THUY: ĐÔI
KIẾP**



Những Giờ Phút Chót Tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân VNCH

Hội ký Hồng Thủy

Đời sống bận rộn với những hời hợt của cuộc sống trên đất Mỹ khi gần 50 năm qua nhanh đến không ngờ.

Nhớ ngày nào của tháng 4 năm 1975. Chúng tôi rời quê hương trong lúc dẫu sôi lửa bỏng với một tâm trạng lo buồn cùng cực. Lo vì không biết tương lai sẽ đi về đâu. Buồn vì bỏng bỏng phải rời bỏ tất cả. Bởi cuộc sống yên bình, đầy đủ, sung sướng bao nhiêu năm qua; bởi quê hương thân yêu với biết bao kỷ niệm từ thời thơ ấu; bởi mẹ tôi và ông ngoại già yêu thương.

Mọi việc xảy đến bất ngờ từng như một giấc mộng hải hùng.

Chúng tôi đang là Chỉ huy trưởng Trung tâm huấn luyện Hải Quân Cam Ranh. Chúng tôi được ở trong bán đảo Cam Ranh thơ mộng. Vùng bất khả xâm phạm, chỉ dành riêng cho các cơ quan thuộc

quân lực VNCH nên rất riêng biệt và yên tĩnh.

Ngôi nhà tôi là một biệt thự rộng lớn được Hối Quân xây từ thời Pháp thuộc. Căn nhà nhìn ra bãi biển thơ mộng đến mức mỗi tối khi màn đêm yên lặng tôi có thể nghe được tiếng sóng vỗ rì rào. Những đêm sáng trăng ngời trên ban công, tôi say sưa ngắm mặt nước biển lấp lánh ánh trăng vàng, thoảng trong gió phảng phất hương thơm nhẹ nhàng của những cây dạ lý hương ở góc vườn. Khi hè đến, hai cây phượng trước sân nhà đua nhau khoe sắc thắm như chào đón những chú ve sầu ca hát rộn ràng. Mùa xuân những cây mai vàng nở hoa rực rỡ, rồi rực thắp thoáng trên những đóa cò hai bên lối đi vào bán đảo. Đời sống thật êm ả, thản nhiên.

Bỗng một hôm nhà tôi đi họp ở Nha Trang và, sắc mặt anh rất buồn, anh nói với tôi mình sắp mất nước rồi. Tôi nghe tưởng như tiếng sét bất ngờ giáng xuống trên đầu.

Suốt cả tuần sau đó, anh ăn cơm rất vội vàng rồi vào trung tâm họp hành liên miên; khi anh về nhà là điện thoại reo liên tục không ngừng.

Một hôm, anh đang ăn cơm thì có điện thoại ông tướng vùng gọi, nói chuyện xong, anh ăn rất vội vã rồi lái xe vào văn phòng dù đã quá giờ làm việc. Mãi tới nửa đêm anh mới về nhà. Anh nói tôi lo thu xếp quần áo cho tôi và hai đứa con gái, ngày mai anh sẽ gọi ba mẹ con theo máy bay Không Quân về Sài Gòn trước. Nghe anh nói tôi ngạc nhiên, bàng hoàng như người từ trên trời rơi xuống. Tự nhiên tim tôi đập dồn dập, tôi hãi như người hụt hơi

– Tại sao, tại sao vậy anh?

Giọng anh ghen ngào

– Quân đội được lệnh phải buông súng và rút lui. Việt Cộng chiếm dần hết các tỉnh miền Trung rồi.

Tôi nói với anh, tôi không muốn xa anh, cho tôi ở lại bên anh;

chúng đâu vợ đó, sống chết có nhau. Tôi khóc như chưa bao giờ được khóc. Anh nói với tôi thời gian cấp bách lắm rồi, phải khó khăn lắm anh mới xin được 3 ché trên máy bay cho ba mẹ con tôi quá giang. Tôi phải đi trước cho anh yên tâm. Ngày mai anh sẽ liên lạc với không quân Mỹ xin ché cho 2 con trai tôi quá giang về trước. Anh để lại lo cho gần 4 ngàn nhân viên và khóa sinh di chuyển về sau. Nếu mẹ con tôi còn ở lại, anh sẽ bận tâm lo cho gia đình và không làm việc được.

Cố đêm đó tôi không ngủ, đặc biệt không được mang theo vì không có ché, ché một cái va li nhỏ với mấy bộ quần áo của 3 mẹ con mà tôi sắp mãi chưa xong. Quần áo bao nhiêu, biết mang cái nào bỏ cái nào. Tôi cứ cầm lên bỏ xuống, vừa làm vừa khóc, mặt mày bơ vơ, tóc tai rũ rượi như con mẹ điên. Trời ơi cố một cái nhà to lớn như vậy, bao nhiêu vật dụng, đồ quý, mà tôi chỉ được mang theo có vài bộ quần áo thôi sao.

Mấy mẹ con tôi về Sài Gòn được đúng 3 hôm thì đường giây điện thoại Sài Gòn – Cam Ranh bắt khiên dụng hoàn toàn. Tôi không làm cách nào liên lạc được với chúng tôi nữa, lòng tôi như lửa đốt, tình hình chiến sự càng ngày càng sôi động.

Khi nghe tin Việt Cộng đã chiếm Nha Trang tôi như người điên, tôi khóc lóc gọi điện thoại tứ tung cho những người bạn Hải Quân của chúng tôi làm việc ở Sài Gòn để hỏi thăm tin tức. Không ai cho tôi nguên tin rõ ràng, ai cũng nói những lời an ủi mơ hồ cho tôi yên tâm. Tôi biết mạng sống của chúng tôi và các khóa sinh đang treo trên sợi tóc. Nha Trang – Cam Ranh quá gần, chỉ vài quả pháo kích là Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Cam Ranh biến thành tro bụi.

Suốt cả tuần tôi cứ ôm cái radio nghe tin tức và đọc kinh cầu nguyện liên miên. Cuối cùng chúng tôi và 4 ngàn khóa sinh cùng nhân viên cũng được tiếp cứu và đưa về Sài Gòn.

Ở Sài Gòn chúng tôi phải cầm trại lu bù, mỗi ngày thời gian được về nhà ăn cơm thật ngon ngói. Ăn xong phải vào trại liến. Chúng tôi luôn dặn dò những lời như trăn trăn: Việt Cộng có

thì tìn công Sài Gòn bất cứ lúc nào, nhiều cơ hội chúng sẽ vào theo ngả xa lộ Hàng Xanh, gần cư xá sĩ quan Thị Nghè là nơi gia đình tôi cư trú. Nếu như vậy, anh không thể trở về nhà lo cho tôi và các con. Anh sẽ phải cùng anh em chiến đấu, sống chết có nhau. Tôi phải tự lo cuộc sống không có anh, cần gắng nuôi con. Nếu Chúa thương cho anh còn sống, anh sẽ tìm cách liên lạc với tôi sau. Những lời dặn dò xé lòng đó làm tôi sống trong hãi hùng, lo sợ từng phút từng giây.

Chiều tối 29, đau xót thay, khi Việt Cộng trên đường tìn công Sài Gòn, tất cả quân nhân được lệnh tan hàng để lo di tìn. Hải Quân được lệnh phải mang tất cả chiến hạm qua Phi Luật Tân để trao trả cho Hoa Kỳ, họ không muốn cho bất cứ chiến hạm nào lọt vào tay Cộng Sản.

Lúc đó gia đình tôi cũng chen chúc lên tàu một cách khó khăn như một thường dân vì anh là đơn vị di tìn từ Cam Ranh về, không có tàu bè, không có bất cứ một phương tiện nào. Chúng tôi cùng đoàn người chờ đợi ở bến tàu, lần lượt chen lấn nhau để lên một chiến hạm đang trong tình trạng sửa chữa ở Hải quân công xưởng. Tàu có nệm máy để kéo lê giúp đoàn người đi tìm ánh sáng tự do dù không nước uống, không lương thực.

Ra đến Côn Sơn người Hạm trưởng định lái tàu quay trở lại vì bị áp lực của bà vợ đòi trở lại Sài Gòn. Bà có ông anh Việt Cộng làm lớn, bà hy vọng ông anh có thể giúp gia đình bà. Bà dọa nếu tiếp tục đi bà sẽ nhảy xuống biển tự tử. Khi biết ông Hạm Trưởng sẽ lái tàu quay trở lại, các quân nhân đi quá giang trên tàu rất bất mãn, một số quân nhân Nhảy Dù nóng nảy đòi giết ông Hạm trưởng vì họ không muốn chi trả tàu với gần 5 ngàn sinh mạng muốn đi tìm tự do phải quay trở lại sống dưới chế độ Cộng Sản. Thấy tình hình quá căng thẳng, chúng tôi là sĩ quan thâm niên nhất trên tàu phải ngăn cản và đứng ra dàn xếp. Anh liên lạc với ông Tư lệnh Hải quân đang ở trên một cái tàu khác xin phương tiện cho ông Hạm trưởng và gia đình ông trở lại Sài Gòn bằng 1 cái tàu nhỏ. Sau đó nhà tôi được lệnh làm Hạm trưởng lái chiến hạm qua Phi Luật Tân. Tại đây tất cả tàu của HQ VN di tìn đã tụ tập tại Subic Bay để giao trả lại cho Hải

quân (HQ) Mỹ. Đoàn người di tản được chuyển sang một thương thuyền thật lớn của Mỹ để đưa đến trại tị nạn ở đảo Guam.

Tôi không sao quên được phút cuối cùng khi các quân nhân Hq quân VNCH rời tàu để chuyển giao lại cho HQ Mỹ. Mọi người đã làm lễ chào Quốc Kỳ VNCH một lần chót. Bài Quốc ca vang lên trong nghẹn ngào, mọi người nhìn lá cờ vàng ba sọc đỏ đang bay phất phới trên đài chèo huy bị từ từ kéo xuống, ai cũng ngậm ngùi chảy nước mắt. Giã từ Việt Nam! Giã từ đất nước thân yêu!

Tất cả các quân nhân được yêu cầu cởi quân phục bỏ lại trên tàu để thay bằng quần áo dân sự. Nhìn anh buồn bã cởi bỏ quần áo HQ tác chiến màu xanh xám, bộ đồ anh mặc hàng ngày đi làm suốt bao nhiêu năm trời, lòng tôi đau thắt lại. Anh cầm bộ đồ và cái mũ trong tay ngón ngừ một lát, tôi không sao quên được nét mặt anh lúc đó, sau cùng anh buông tay cho bộ đồ và cái mũ rơi trên sàn tàu, và xách mấy túi hành lý bước vội đi như chạy trốn. Tôi dắt các con đi theo nước mắt ràn rụa. Tôi ngoái lại phía sau nhìn bộ quần áo và cái mũ của anh nằm tro rơi trên sàn tàu, tôi có cảm tưởng như mình đã bỏ rơi một người thật thân yêu gần gũi. Nghĩ ngợi 1 giây, tôi vùng chạy trở lại, gỡ bộ lon của anh, bộ lon mà anh đã phải đánh đổi với hơn 20 năm binh nghiệp. Nhét vội bộ lon vào túi xách, tôi chạy theo anh cho kịp với đoàn người di tản đang xếp hàng để lên bờ. Bất đầu từ giờ phút đó tôi mang cảm giác của một người vừa đi kiếp.

Kiếp trước là người có một cuộc sống thật đầy đủ hạnh phúc, bỗng dưng “bừng con mắt dậy, thấy mình tay không”. Danh vọng tiền bạc biến hết. Hai vợ chồng, 4 đứa con thơ: đứa lớn nhất 13 tuổi, bé nhất 8 tuổi, phải rời bỏ quê hương, ra đi với 2 bàn tay trắng theo giòng người di tản không biết sẽ trôi dạt đến đâu.

Cũng may nước Mỹ mở rộng vòng tay chào đón những người tị nạn. Cho dù guồng máy chính trị của đất nước này đã dự phần trách nhiệm làm chúng tôi mất quê hương và tay Cộng Sản. Nhưng những người dân Mỹ tất bụng, họ có trách nhiệm gì với chúng tôi đâu

mà vñ cñ gñg giúp đỡ chúng tôi trong những bước đñu khó khăn, không cña không nhà, không công ăn việc làm. Họ đón chúng tôi bằng cñm tình nñng ñm. Tôi nhớ mãi nụ cười cña một bà lão da đen thật hiñn hòa khi thñy tôi đi qua trước mặt bà. Những bàn tay nhñ bé cña mñy em học sinh, trên xe bus vàng cña nhà trường, vñy vñy tôi, khi tôi đứng đợi đèn xanh đñ qua đường. Một người đàn ông Mỹ ân cñn hñi tôi có cñn ông ta giúp khi thñy tôi khệ nệ ôm bịch đñ ăn mới mua ñ chợ ra xe. Những cñ chñ nhñ cña thuñ ban đñu đó, là niñm an ñi, niñm vui cho những kñ tha hương chân ướt chân ráo đñn một đñt nước xa lạ.

Nhờ có bà dì ruột đã ñ sñn bên Mỹ vì chñng bà làm cho tòa Đại Sứ VN ñ Washington DC, chúng tôi được trưñng nam cña bà là Nguyñn Hoàng Diệu có quñc tịch Mỹ bño lãnh gia đình và cho chúng tôi được tá túc trong nhà bà trong thời gian đñu khi mới đặt chân lên đñt Mỹ. Hai vợ chñng, 4 đứa con ñ chung trong một phòng dưới basement nhà bà. Tuy chậi chội nhưng ñm cúng tình gia đình, nên chúng tôi rñt vui mừng.

Khi tôi kñ chuyện vñ thời gian đñu cho 1 cô bạn thân nghe, cô ñy đã trêu tôi “Trong thời gian ñ chung như vậy làm sao hai vợ chñng mi làm ăn?” Tôi phì cười và ngñn mặt ra “Ừ nhñ, nñu tôi nhớ không nhñm thì suñt thời gian dài ñ nhà bà dì, vợ chñng chúng tôi đã quên luôn “cái khoñn đó”.

Ban ngày 2 vợ chñng lo đi lao động. Vợ đi làm bñi cho một coffee shop. Chñng làm cashier cho một tiệm ăn Hy Lạp. Cñ 2 vợ chñng vñ đñn nhà là một nhoài, lo cho 4 đứa con và cũng phñi phụ lo cơm nước với bà dì. Tñi đñn vợ chñng con cái 6 mạng chui vào phòng ngñ chung, “làm ăn” gì nñi cơ chứ, và “làm ăn” cách nào, khi 4 đứa con với 8 con mñt tinh như ma ñ xung quanh trong 1 cái phòng chñ rộng rãi gì cho lñm. Lúc đó chúng tôi còn trñ, vợ 34 tuñi, chñng mới có 43. Vậy mà cuộc sñng bận rộn khiñn chúng tôi chñ nghĩ gì đñn những chuyện “trñn tục” đó, và quñ thật cũng không thñy cñn thiñt nữa.

Sau khi dành dụm được 1 sñ tiñn nhñ, chúng tôi mới dọn ra riêng. Chñng tôi là một người cha thương con và lo cho con vô

cùng. Có 2 vợ chồng tôi đều coi việc lo cho các con là ưu tiên số 1. Hồi ở VN, có 4 đứa con tôi đều học đàn piano. Cuộc đời làm việc học đàn của các cháu gián đoạn gần hai năm trời. Sau soạn ra ở riêng, chúng tôi nghĩ ngay đến việc phải cho các cháu được tiếp tục học đàn vì gián đoạn lâu quá sợ các cháu sẽ quên hết. Vì việc học đàn của các con, chúng tôi phải thuê nhà riêng để ở thay vì có thể ở apartment, mỗi tháng tôi thuê rẻ bằng nhà tôi thuê nhà, nhưng họ không cho phép đánh đàn vì sợ ồn làm phiền hàng xóm.

Có nhà ở rồi chúng tôi tính tới việc mua đàn cho các con tập dượt. Vì học đàn mà không có đàn để tập hàng ngày thì cũng như không. Việc mua đàn mới là một sự liều lĩnh ít ai dám làm vào thời điểm đó. Khi dọn ra ở riêng, sau khi mua 1 cái xe cũ để gia đình có phương tiện di chuyển, vốn liếng chúng tôi dành dụm trong thời gian ở nhờ nhà bà dì và tiền cơ quan thiện nguyện cho khi mới tới còn chưa được 2 ngàn đô. Chúng tôi đi kiếm mua 1 cái đàn cỡ trung bình giá là 1600 đô. Chúng tôi xin mua trợ góp. Nhìn số lương của chúng tôi mà phải nuôi tới 4 đứa con, chủ tiệm đàn nói phải có người co-sign vì không đủ điều kiện để ký giấy mua 1 mình.

Tôi nhờ cậu em bạn lãnh gia đình tôi co-sign dùm cho chúng tôi mua đàn cho các cháu thì cậu tròn mắt lên ngạc nhiên nhìn tôi như nhìn một con quái vật và hỏi tôi bằng 1 giọng thật gay gắt “Anh chị có điên không? Bây giờ lo sao cho để ăn để mặc là may, còn bày đặt cho con học đàn. Bộ chị tư tưởng anh ấy vẫn còn là Đại tá HQ à? Em còn không nghĩ đến chuyện cho con em học đàn, hưởng hời anh chị, mới chân ướt chân ráo đến đây, còn nghèo mạt rệp mà đã tính chuyện nuôi con như thời vàng son ở VN. Đẹp những chuyện viễn vông đó đi.” Biết là cậu em nói rất đúng, nhưng tôi cũng tội thân và dù có kìm hãm mà nước mắt vẫn ứa ra. Tôi kể lại cho nhà tôi nghe rồi hai vợ chồng bàn tới bàn lui, cuối cùng nhà tôi quyết định là vẫn mua đàn và trợ cash luôn hết. Lý do vì chúng tôi nghĩ âm nhạc rất cần thiết cho đời sống, nó làm cho đời sống thăng hoa và tâm hồn con người phong phú hơn. Nếu các con tôi có thú vui giải trí là âm

nhạc thì sẽ không còn thì giờ rảnh rỗi đàn đúm bạn bè đâu có thể sa ngã vào những thói hư tật xấu của tuổi trẻ.

Sau khi mua đàn cho các con, vốn liếng gia đình tôi còn đúng 90 đô. Chúng tôi đã tạo dựng cuộc sống mới trên đất Mỹ với con số khởi đầu là 90 đô. Mua đàn cho các con rồi thì phải lo tìm thầy dạy đàn cho chúng. Chúng tôi đã may mắn tìm được 1 bà giáo dạy đàn người Nhật. Bà Ellen Sakai rất tốt bụng, bà bằng lòng dạy đàn tận nhà dạy cho 4 cháu, mỗi tuần 2 giờ, mỗi đứa được học nửa giờ và chỉ lấy nửa giá là \$10/1 giờ, thay vì giá của bà là \$20/1giờ. Tiền lương 2 vợ chồng tôi vừa đủ cho việc trả tiền nhà, điện nước để xăng và tiền chợ. Bây giờ mỗi tháng phải chi thêm 80 đô tiền học đàn cho các con. Kiếm đâu ra bây giờ? 80 đô thời đó khá lớn, vì lương tôi thiếu có \$2.10/1 giờ rồi còn phải trừ thuế nữa.

Cuối cùng tôi kiếm được việc làm thêm ngày cuối tuần, dọn nhà cho một bà khách hàng người Mỹ vốn đến coffee shop tôi làm uống café. Bà ấy bằng lòng trả tôi \$20 cash mỗi lần đến dọn nhà, lau chùi, hút bụi cho bà Tôi mừng hóm nhận lời liền. Tôi vui vẻ, hào hứng khi hút bụi, lau chùi của kính cho căn nhà rộng lớn của bà không ngại hà công việc vất vả. Nhưng khi phải dọn dẹp phòng tắm và cúi xuống lau cái bồn cầu dù rất sạch sẽ, nước mắt tôi bỗng ứa ra. Tôi còn nhớ, tôi đã đóng kín cửa, đứng khóc lặng lẽ một mình rất lâu khi nghĩ đến những ngày vàng son ở VN và nghĩ đến thân phận mình bây giờ. Càng nghĩ, càng thương thân và cứ đứng khóc mãi. Hôm đó tôi về nhà, lòng nặng trĩu u sầu. Nhưng buổi tối, khi nghe tiếng đàn réo rắt từ những bàn tay nhỏ bé của các con, tôi bỗng vui ngay và tự nhủ lòng “mình hy sinh cho các con được tiếp tục cuộc sống đầy đủ như những ngày còn ở VN, thì mình phải cảm thấy hài lòng và hạnh diện” chứ, sao lại thương thân và buồn!”

Từ đó, mỗi tuần khi dọn nhà cho bà khách hàng người Mỹ, đến lúc phải cúi cầu tôi không cảm thấy buồn nữa mà ngạc nhiên thấy mình rất vui vẻ và miệng còn hát líu lo. Tôi tiếp tục công việc dọn nhà cho tới hơn 1 năm sau, khi tôi học xong ngh

Cosmetologist và đi làm rồi tôi mới “say goodbye” bà khách hàng của tôi.

50 năm qua, đời sống đã ổn định, các con đã thành đạt. Đời mình đã bước vào tuổi hoàng hôn, có thể “chợt tắt” bất cứ lúc nào. Tôi vẫn không quên được cái “thuận hân vi” đó và cảm thấy thật hài lòng là vợ chồng tôi đã cố gắng hết mình để lo tròn bổn phận và trách nhiệm với 4 đứa con thân yêu, để chúng bước vào đời thật vững chắc và toàn vẹn.

Hồng Thy

